TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh T – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 534/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; tạm trú: Số A đường D, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; tạm trú: Số A đường D, khu phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Đình A kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119/2020 ngày 24/8/2020. Quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hiện vợ chồng đã ly thân, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 03/9/2020. Nay, bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình A.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 03/9/2020. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Đình A: Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình A không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Đình A và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Đình A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đình A không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Đình A tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn năm 2020 tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 119/2020 ngày 24/8/2020 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Nguyễn Thị Mỹ D cho rằng vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hiện vợ chồng đã ly thân, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng giải quyết Tòa án ban hành thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Đình A không đến Tòa án cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, thể hiện bị đơn ông Nguyễn Đình A vắng mặt không có lý do chính đáng là đã tự từ bỏ quyền tố tụng và nghĩa vụ chứng minh của mình và phải chịu hậu quả pháp lý từ việc này. Do đó, hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và do Tòa án thu thập.

Căn cứ biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T xác định hiện vợ chồng đã ly thân với nhau. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Đình A có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 03/9/2020. Sau khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện cháu Q đang sinh sống cùng với bà D, ông A không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con của bà D, để ổn định cho sự phát triển của cháu Hội đồng xét xử giao cháu Q cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ phân tích và nhận xét trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Đình A là có căn cứ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn và ông Nguyễn Đình A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Đình A.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 03/9/2020.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000571 ngày 08/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong